TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **213**/2025/DS - PT
Ngày: 16-9-2025
V/v: "*Tranh chấp tiền biêu*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Minh Phượng

Ông Vũ Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc "*Tranh chấp tiền biêu*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2025/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 302/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 317/2025/QĐ – PT ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Hoàng Anh N**, sinh năm 1988; CCCD số 046188009834; Nơi thường trú: Tổ D phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ở hiện tại: Khu tái định cư K GĐ5, phường K, quận P, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Bảo Â, sinh năm 1993, CCCD số 049093008891 và bà Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 2002, CCCD số 049302014156; Cùng địa chỉ liên hệ: Số C đường C, phường C, thành phố Đà Nẵng

là người đại diện theo uỷ quyền (*theo Giấy uỷ quyền lập ngày 24/01/2025 tại Văn phòng C, thành phố H*). Ông Â có mặt, bà T vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Hoàng L**, sinh năm 1990; CCCD số 048190006314; Địa chỉ: Tổ B phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991; CCCD số 030091010742; Địa chỉ liên hệ: Số A đường D, phường H, thành phố Đà Nẵng là người đại diện theo uỷ quyền (*theo Giấy uỷ quyền lập ngày 15/02/2025 tại Văn phòng C1, thành phố Đà Nẵng*). Có mặt

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Bảo Â trình bày:*

Qua quá trình giao dịch chơi biêu hụi giữa bà Nguyễn Hoàng Anh N (nguyên đơn) và bà Trần Thị Hoàng L (bị đơn) thì đến ngày 14/9/2022, bị đơn đã viết Giấy nợ tiền biêu ngày 14/9/2022 để xác nhận nợ tiền biêu nguyên đơn là 2.348.700.000đồng (hai tỷ ba trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng), cam kết trả số tiền trên cho nguyên đơn trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng hoặc nhiều hơn. Tuy nhiên, kể từ đó đến nay, bị đơn không trả cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào. Nguyên đơn cũng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng bị đơn vẫn chây ỳ không trả nợ theo cam kết. Hành vi trên của bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc bị đơn bà Trần Thị Hoàng L phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ biêu là: 2.348.700.000đồng (hai tỷ ba trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 14/10/2022 (ngày bị đơn phải trả khoản tiền đầu tiên) đến ngày xét xử 03/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm là: 2.348.700.000 đồng x 10%/năm x (963 ngày/365 ngày) = 619.486.000 đồng. Nguyên đơn giảm cho bị đơn số tiền lãi 119.486.000 đồng, chỉ yêu cần bị đơn trả 500.000.000đồng tiền lãi. Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả tính đến ngày 03/6/2025 là: 2.848.700.000đồng (Hai tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng).

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:*

Bị đơn bà Trần Thị Hoàng L là người cầm cái biêu hụi và nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N là người tham gia chơi biêu cùng nhiều người khác. Đến khoảng tháng 09/2022, bị đơn mất khả năng thanh toán do bà Nguyễn Thị Hải V là

người cùng tham gia các chân biêu do bị đơn cầm cái đã rút trước với tổng số tiền là 15.440.000.000 đồng để đầu tư chứng khoán nhưng bị thua lỗ mất khả năng đóng tiền biêu cho bị đơn khiến cho toàn bộ dây biêu bị ảnh hưởng, trong đó có nguyên đơn. Đến thời điểm hiện tại, bà V vẫn chưa thực hiện việc trả tiền cho bị đơn, dẫn đến hậu quả bị đơn chưa có khả năng thanh toán một lần số tiền gốc là 2.348.700.000đồng cho nguyên đơn.

Giấy nợ tiền biêu ngày 14/9/2022 chính tay bị đơn là người viết và ký. Bị đơn cam kết sẽ trả số tiền trên cho nguyên đơn trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng hoặc nhiều hơn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả số tiền trên cho nguyên đơn do chưa lấy tiền nợ được từ bà V.

Bị đơn thừa nhận hiện còn nợ nguyên đơn số tiền biêu là 2.348.700.000đồng như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu trả toàn bộ số nợ trên và tiền lãi phát sinh thì bị đơn không đồng ý do chưa đến thời hạn trả nợ, vì trong giấy nợ tiền biêu bị đơn cam kết xin giãn cách số nợ hụi trong 36 tháng, đến thời điểm khởi kiện cũng như tại phiên toà chưa hết 36 tháng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2025/DS-ST ngày 3 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng) quyết định:*

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 471, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên xử</u>:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N đối với bị đơn bà Trần Thị Hoàng L về việc *"Tranh chấp tiền biêu"*.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Hoàng L phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N tổng số tiền 363.111.100đồng (Ba trăm sáu mươi ba triệu một trăm mười một nghìn một trăm đồng). Trong đó tiền biêu 320.000.000đồng và tiền lãi 43.111.100đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N đối với bị đơn Trần Thị Hoàng L với số tiền lãi là 456.888.900đồng.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: 18.155.555đồng bị đơn bà Trần Thị Hoàng L phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 22.275.556đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 44.531.870đồng theo biên lai thu số 0003227 ngày 16 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Sơn Trà, TP .. Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N được trả lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 22.256.314đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 10 tháng 6 năm 2025, nguyên đơn Nguyễn Hoàng Anh N có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L trả tiền biêu còn nợ là: 2.348.700.000 đồng và tiền lãi (2.348.700.000 đồng x 10%/năm x (963 ngày/365 ngày) = 619.486.000đồng. Nguyên đơn giảm cho bị đơn số tiền lãi 119.486.000đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả 500.000.000đồng tiền lãi. Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả tính đến ngày 03/6/2025 là: 2.848.700.000đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Lê Bảo Â đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N giữ nguyên nội dung đã kháng cáo. Ông Nguyễn Văn T1 đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Hoàng L không không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX phúc thẩm giải quyết vụ án theo hướng:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N, sửa 01 phần Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST ngày 03/6/2025 của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (nay là TAND Khu vực 2 - Thành phố Đà Nẵng)

theo hướng: Buộc bị đơn bà Trần Thị Hoàng L phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N toàn bộ số tiền gốc là 2.348.700.000 đồng và tiền lãi là 99.095.835 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 2.447.795.835 đồng.

- Không chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N về số tiền lãi 400.904.165 đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại căn cứ vào số tiền mà nguyên đơn được chấp nhận ở giai đoạn phúc thẩm, án phí dân sự phúc thẩm nguyên đơn không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hạn, nội dung kháng cáo của đương sự: Ngày 10 tháng 6 năm 2025, nguyên đơn Nguyễn Hoàng Anh N có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 30/2025/DS-ST ngày 3 tháng 6 năm 2025 và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, về thời hạn và nội dung kháng cáo của nguyên đơn là đảm bảo theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Hoàng Anh N:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán tiền biêu còn nợ là 2.348.700.000 đồng. Bị đơn bà Trần Thị Hoàng L xác nhận có nợ nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N số tiền 2.348.700.000 đồng như Giấy nợ tiền biêu vào ngày 14/9/2022 bà L đã viết và ký tên. Tại Giấy nợ tiền biêu bà L xin giãn cách số nợ trong 36 tháng, mỗi tháng trả từ 5 đến 10 triệu hoặc nhiều hơn, bà N không ký xác nhận cam kết của bà L. Ngay sau khi bà L viết giấy nợ biêu ngày 14/9/2022, ngày 03/10/2022 bà N đã có đơn gửi Phòng CSHS – Công an T2 tố giác bà L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà N số tiền 2.348.700.000 đồng thông qua việc chơi biêu hụi. Như vậy, có căn cứ xác định cam kết trả nợ tiền biêu trong thời hạn 36 tháng là cam kết đơn phương của bà L, không phải là thỏa thuận của hai bên. Thực tế từ khi viết Giấy nợ đến nay bà L cũng không trả khoản tiền nào, đến nay cũng hết thời hạn 36 tháng từ ngày viết Giấy nợ. Do đó, bà Nguyễn Hoàng Anh N khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Hoàng L trả khoản tiền nợ biêu 2.348.700.000 đồng là có căn cứ. Bản án sơ thẩm xác định nguyên đơn chỉ được yêu cầu bị đơn trả hết số nợ trên sau 36 tháng kể từ ngày 14/9/2022 theo như cam kết thoả thuận trong giấy nợ tiền biêu là không cơ sở, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Do đó, kháng cáo của bà N về việc buộc bà L phải trả toàn bộ khoản tiền biêu 2.348.700.000 đồng còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với số tiền là 500.000.000 đồng. Như đã phân tích tại phần [2.1], cam kết trả nợ tiền biêu trong thời hạn 36 tháng là cam kết đơn phương của bà Trần Thị Hoàng L,

không phải là thỏa thuận của hai bên. Sau khi nhận được Thông báo số 1217/TB-CSHS-Đ4 ngày 08/11/2022 của Phòng CSHS – Công an T2 V/v kết thúc xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, thông báo cho bà Nguyễn Hoàng A Nhi biết sự việc theo đơn tố cáo của bà là tranh chấp trong quan hệ dân sự, không có dấu hiệu hình sự, thì bà N có quyền yêu cầu bà L trả toàn bộ số tiền nợ biêu, bà L không trả thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất bằng 10%/năm trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015. Trước khi có đơn khởi kiện không có tài liệu, chứng cứ thể hiện bà N đã yêu cầu bà L trả nợ tiền biêu, nên tiền lãi theo mức lãi suất bằng 10%/năm trên số tiền chậm trả được tính từ ngày Tòa án nhận đơn khởi kiện của bà N là ngày 31/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 03/6/2025 là (154 ngày) x 10%/năm x 2.348.700.000 đồng = 99.095.835 đồng. Bà N yêu cầu tiền lãi chậm trả tính theo mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ nhưng thời gian tính tiền lãi từ ngày 14/10/2022 và số tiền lãi là 500.000.000 đồng là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả số tiền lãi là 43.111.100 đồng cũng không có cơ sở. Do đó, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bà N về yêu cầu trả lãi, buộc bà L trả số tiền lãi là 99.095.835 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi của bà N với số tiền là (500.000.000 đồng - 99.095.835 đồng) = 400.904.165 đồng.

[2.3] Từ những căn cứ, nhận định trên, xét thấy ý kiến của đại diện VKSND thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả toàn bộ tiền biêu còn nợ 2.348.700.000 đồng và trả khoản tiền lãi là 99.095.835 đồng; Không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về số tiền lãi là 400.904.165 đồng là phù hợp với phân tích nhận định trên của HDXX nên được chấp nhận, trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu tiền lãi theo khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của đại diện hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên tính án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Trần Thị Hoàng L phải chịu án phí sơ thẩm là: [72.000.000đ + (2% x 447.795.835đ)] = 80.955.917 đồng, đối với số tiền yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: [20.000.000đ + (4% x 904.165đ)] = 20.036.167 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là

44.531.870 đồng theo Biên lai thu số 0003227 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Đà Nẵng). Trả lại cho bà Nguyễn Hoàng Anh N số tiền tạm ứng án phí còn lại là 24.495.703 đồng.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà Nguyễn Hoàng Anh N không phải chịu, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2025/DS-ST ngày 3 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng).

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Diều 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N đối với bị đơn bà Trần Thị Hoàng L về việc *"Tranh chấp tiền biêu"*.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Hoàng L phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N tổng số tiền là **2.447.795.835 đồng** (Hai tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng), trong đó 2.348.700.000đồng tiền biêu và tiền lãi 99.095.835 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyên Hoàng Anh N1 đối với khoản tiền lãi là 400.904.165 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị Hoàng L phải chịu số tiền là 80.955.917 đồng.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng Anh N phải chịu số tiền là 20.036.167 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 44.531.870 đồng theo Biên lai thu số 0003227 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Đà Nẵng). Trả lại cho bà Nguyễn Hoàng Anh N số tiền tạm ứng án phí còn lại là 24.495.703 đồng.

3.2. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Hoàng Anh N không phải chịu, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ, theo Biên lai thu số 0008107 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Tp Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 11;
- THADS Tp Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân Khu vực 11 ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Hiếu